

Không ghi
vào khu vực này

**GIẤY NỘP TRẢ KINH PHÍ CHO NGÂN
SÁCH CẤP TRÊN**

Mẫu số C2-05b/NS
(Theo TT số 19/2020/TT-BTC ngày
31/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài
Chính)
Số: 03 Năm NS: 2023

Cơ quan tài chính/UBND cấp xã: UBND xã Long Môn

Đề nghị KBNN: Huyện Minh Long

Trích tài khoản chi chuyển giao ☒ hoặc giảm thu chuyển giao ☐
theo Quyết định số: 21/QĐ-UBND ngày 29/02/2024 của UBND
xã Long Môn

PHẦN KBNN GHI

Nợ TK:
Có TK:
Mã ĐBHC:

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Mã CTMT,DA	Số tiền
Kinh phí: Duy tu sửa chữa sân và làm trụ cờ xã Long Môn (Quyết định 2200/QĐ-UBND ngày 13/12/2022)	7702	860	433	00	00000	69.000
Căn cứ Quyết định số 493/QĐ-UBND, ngày 25 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Minh Long, về việc giao dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2021;	7702	860	433	00	00000	39.936.083
Kinh phí chi lương và các khoản phụ cấp năm 2020 (QĐ: 252/QĐ-UBND ngày 25/12/2019)	7702	860	433	00	00000	260.216.347
Dự án 7-Tiểu dự án 1 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (Vốn năm 2022) (QĐ số: 2040/QĐ-UBND ngày 24/11/2022)	7702	860	433	00	00477	2.720
Dự án 4: Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ SX đời sống trong vùng đồng bào DTTS (vốn năm 2022) (QĐ số: 2041/QĐ-UBND ngày 24/11/2022)	7702	860	433	00	00514	1.181.000
Dự án 9; Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc gặp nhiều khó khăn (Vốn năm 2022) (QĐ số: 1239/QĐ-UBND ngày 16/8/2022; QĐ số: 1862/QĐ-UBND ngày 17/10/2022; QĐ số: 2041/QĐ-UBND ngày 24/11/2022)	7702	860	433	00	00519	241.500.000
Tổng cộng						542.905.150

Đồng thời hạch toán tăng thu NSNN cấp trên khi đã quyết toán NSNN ☒ hoặc giảm chi NS cấp trên ☐

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Mã CTMT,DA	Số tiền
Kinh phí: Duy tu sửa chữa sân và làm trụ cờ xã Long Môn (Quyết định 2200/QĐ-UBND ngày 13/12/2022)	4702	760	000	00	00000	69.000
Căn cứ Quyết định số 493/QĐ-UBND, ngày 25 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Minh Long, về việc giao dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2021;	4702	760	000	00	00000	39.936.083
Kinh phí chi lương và các khoản phụ cấp năm 2020 (QĐ: 252/QĐ-UBND ngày 25/12/2019)	4702	760	000	00	00000	260.216.347
Dự án 7-Tiểu dự án 1 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (Vốn năm 2022) (QĐ số: 2040/QĐ-UBND ngày 24/11/2022)	4702	760	000	00	00000	2.720
Dự án 4: Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ SX đời sống trong vùng đồng bào DTTS (vốn năm 2022) (QĐ số: 2041/QĐ-UBND ngày 24/11/2022)	4702	760	000	00	00000	1.181.000
Dự án 9; Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc gặp nhiều khó khăn (Vốn năm 2022) (QĐ số: 1239/QĐ-UBND ngày 16/8/2022; QĐ số: 1862/QĐ-UBND ngày 17/10/2022; QĐ số: 2041/QĐ-UBND ngày 24/11/2022)	4702	760	000	00	00000	241.500.000
Tổng cộng						542.905.150

Tổng số tiền ghi bằng chữ: (Năm trăm bốn mươi hai triệu, chín trăm lẻ năm nghìn, một trăm năm mươi đồng).

CƠ QUAN TÀI CHÍNH/UBND CẤP XÃ

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, ghi họ tên)

THỦ TRƯỞNG

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

KẾ TOÁN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Dinh Văn Hoa

Dinh Trung Hiếu

Kahehl

[Signature]



Không ghi
vào khu vực này

**GIẤY NỘP TRẢ KINH PHÍ CHO NGÂN
SÁCH CẤP TRÊN**

Mẫu số C2-05b/NS
(Theo TT số 19/2020/TT-BTC ngày
31/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài
Chính)
Số: 02 Năm NS: 2023

Cơ quan tài chính/UBND cấp xã: UBND xã Long Môn
Đề nghị KBNN: Huyện Minh Long
Trích tài khoản chi chuyển giao ☐ hoặc giảm thu chuyển giao ☒
theo Quyết định số: 21/QĐ-UBND ngày 29/02/2024 của UBND
xã Long Môn

PHẦN KBNN GHI
Nợ TK:
Có TK:
Mã ĐBHC:

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Mã CTMT,DA	Số tiền
Kinh phí hoà giải ở cơ sở (Theo QĐ giao đầu năm số: 473/QĐ-UBND ngày 30/12/2022).	4651	860	000	00	00000	1.218.000
Kinh phí đại hội hội khuyến học (Theo QĐ giao đầu năm số: 473/QĐ-UBND ngày 30/12/2022).	4651	860	000	00	00000	10.000.000
Kinh phí mua sắm máy Vi tính (Theo QĐ giao đầu năm số: 473/QĐ-UBND ngày 30/12/2022).	4651	860	000	00	00000	60.000.000
Kinh phí chi trả phụ cấp BTXH (Theo QĐ giao đầu năm số: 473/QĐ-UBND ngày 30/12/2022).	4654	860	000	00	00000	5.000.000
Kinh phí cấp bù giá sản phẩm dịch vụ công ích thuỷ lợi năm 2023. (Theo Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 19/5/2023)	4654	860	000	00	00000	206.076
Kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2023 (Theo Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 19/5/2023)	4654	860	000	00	00000	15.000
Kinh phí dự án 02 chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023 QĐ số: 239/QĐ-UBND ngày 22/11/2023	4654	860	000	00	00000	17.443

Dự án 7-Tiểu dự án 1 chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023 (QĐ số: 19/QĐ-UBND ngày 31/3/2023)	4654	860	000	00	00000	14.480
Dự án 9-Tiểu dự án 02: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (QĐ số:11/QĐ-UBND ngày 30/03/2023)	4654	860	000	00	00000	13.800
Dự án 3-Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vốn 2023 (QĐ số:240/QĐ-UBND ngày 22/11/2023)	4654	860	000	00	00000	2.790.138
Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc (Vốn năm 2023). (QĐ số:240/QĐ-UBND ngày 22/11/2023)	4654	860	000	00	00000	9.678.000
Tổng cộng						88.952.937

Đồng thời hạch toán tăng thu NSNN cấp trên khi đã quyết toán NSNN ☐ hoặc giảm chi NS cấp trên ☒

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Mã CTMT,DA	Số tiền
Kinh phí hoà giải ở cơ sở (Theo QĐ giao đầu năm số: 473/QĐ-UBND ngày 30/12/2022).	7301	760	431	00	00000	1.218.000
Kinh phí đại hội hội khuyến học (Theo QĐ giao đầu năm số: 473/QĐ-UBND ngày 30/12/2022).	7301	760	431	00	00000	10.000.000
Kinh phí mua sắm máy Vi tính (Theo QĐ giao đầu năm số: 473/QĐ-UBND ngày 30/12/2022).	7301	760	431	00	00000	60.000.000

Kinh phí chi trả phụ cấp BTXH (Theo QĐ giao đầu năm số: 473/QĐ-UBND ngày 30/12/2022).	7304	760	432	00	00000	5.000.000
Kinh phí cấp bù giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023. (Theo Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 19/5/2023)	7304	760	432	00	00000	206.076
Kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2023 (Theo Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 19/5/2023)	7304	760	432	00	00000	15.000
Kinh phí dự án 02 chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023 QĐ số: 239/QĐ-UBND ngày 22/11/2023	7304	760	432	00	00472	17.443
Dự án 7-Tiểu dự án 1 chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023 (QĐ số: 19/QĐ-UBND ngày 31/3/2023)	7304	760	432	00	00477	14.480
Dự án 9-Tiểu dự án 02: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (QĐ số:11/QĐ-UBND ngày 30/03/2023)	7304	760	432	00	00519	13.800
Dự án 3-Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vốn 2023 (QĐ số:240/QĐ-UBND ngày 22/11/2023)	7304	760	432	00	00513	2.790.138
Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc (Vốn năm 2023). (QĐ số:240/QĐ-UBND ngày 22/11/2023)	7304	760	432	00	00514	9.678.000
Tổng cộng						88.952.937



Tổng số tiền ghi bằng chữ: (Tám mươi tám triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn, chín trăm ba mươi bảy đồng).

CƠ QUAN TÀI CHÍNH/UBND CẤP XÃ

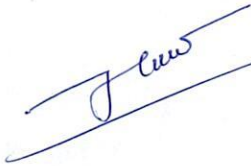
Ngày 15 tháng 3 năm 2024

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, ghi họ tên)

THỦ TRƯỞNG

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)



Đinh Văn Hoa



Đinh Trung Hiếu

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

KẾ TOÁN

KẾ TOÁN

TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC







QUYẾT ĐỊNH

**Về việc nộp trả kinh phí ngân sách xã năm 2023
hết nhiệm vụ chi về ngân sách huyện**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LONG MÔN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 26/6/2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy
định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-
CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của
Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 24/12/2022 của Chủ tịch Ủy
ban nhân dân huyện Minh Long về việc phân khai dự toán Thu ngân sách Nhà
nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2023;*

*Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 30/12/2022 của HĐND xã Long
Môn khoá XII kỳ họp thứ 5 nhiệm kỳ 2021-2026 về việc phân bổ dự toán Thu –
Chi ngân sách năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Chủ tịch
UBND xã Long Môn về việc phê duyệt phân khai dự toán kinh phí Thu ngân sách
Nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương xã Long Môn năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban
nhân dân huyện Minh Long về việc phân khai kinh phí thực hiện chính sách bảo
vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban
nhân dân huyện Minh Long về việc phân khai kinh phí cấp bù giá sản phẩm, dịch
vụ công ích thuỷ lợi năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của Chủ tịch UBND
huyện Minh Long về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục
tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 (Vốn đối ứng ngân sách huyện);*

Căn cứ Quyết số 239/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững từ vốn đối ứng ngân sách huyện;

Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 30/03/2023 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long về việc phân khai kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn huyện Minh Long. Vốn ngân sách Trung ương và đối ứng ngân sách tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long về việc phân khai kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn huyện Minh Long từ vốn đối ứng ngân sách huyện;

Căn cứ Quyết số 2041/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long về việc phân khai kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn huyện Minh Long (Đối ứng vốn ngân sách huyện);

Căn cứ Quyết số 1239/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long về việc phân khai kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn huyện Minh Long. Vốn ngân sách Trung ương;

Căn cứ Quyết số 1862/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long về việc phân khai kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn huyện Minh Long (Đối ứng vốn ngân sách tỉnh)

Được sự thống nhất của HĐND&UBND xã Long Môn cho nộp trả kinh phí ngân sách xã năm 2023 hết nhiệm vụ chi về ngân sách huyện;

Xét theo đề nghị của Công chức Văn phòng – Thống kê và Tài chính - Kế toán xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nộp trả kinh phí ngân sách xã năm 2023 hết nhiệm vụ chi về ngân sách huyện, với tổng kinh phí **631.858.087** đồng. Bằng chữ: (Sáu trăm ba mươi mốt triệu, tám trăm năm mươi tám nghìn, không trăm tám mươi bảy đồng).

(Chi tiết có Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, đề nghị Công chức Tài chính – Kế toán phối hợp các ban, ngành hội đoàn thể liên quan thực đúng theo Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Công chức Văn phòng – Thống kê, Tài chính – Kế toán xã và các ban, ngành hội đoàn thể có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- KBNN huyện Minh Long;
- HĐND xã;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Đinh Trung Hiếu

PHỤ LỤC

NỘP TRẢ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023 HẾT NHIỆM VỤ CHI VỀ NGÂN SÁCH

Kèm theo Quyết định số: 21 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2024 của UBND xã Long Môn

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Số tiền
1		3
I	Kinh phí cân đối ngân sách	376.439.430
1.	Kinh phí hoà giải ở cơ sở	1.218.000
2	Kinh phí đại hội hội khuyến học	10.000.000
3	Kinh phí mua sắm máy Vi tính	60.000.000
4	Kinh phí: Duy tu sửa chữa sân và làm trụ cờ xã Long Môn	69.000
5	Căn cứ Quyết định số 493/QĐ-UBND, ngày 25 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Minh Long, về việc giao dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2021;	39.936.083
6	Kinh phí chi lương và các khoản phụ cấp năm 2020 (QĐ: 252/QĐ-UBND ngày 25/12/2019)	265.216.347
II	Kinh phí có mục tiêu	221.076
1	Kinh phí cấp bù giá sản phẩm dịch vụ công ích thuỷ lợi năm 2022.	206.076
2	Kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2022	15.000
III	Kinh phí 02 chương trình mục tiêu quốc gia	255.197.581
1	Kinh phí chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững. Trong đó:	48.443
1.1	Kinh phí dự án 02 chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023 (00472)	17.443
1.2	Dự án 7-Tiểu dự án 1 chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023 (00477)	14.480
1.3	Dự án 9-Tiểu dự án 02: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Mã CTMT 00519)	13.800
1.4	Dự án 7-Tiểu dự án 1 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (Vốn năm 2022) (00477)	2.720
2	Kinh phí chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Trong đó:	255.149.138
2.1	Dự án 3-Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư (00513) vốn 2023	2.790.138
2.2	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc (Vốn năm 2023) (00514)	9.678.000
2.3	Dự án 4: Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ SX đời sống trong vùng đồng bào DTTS (vốn năm 2022) (00514)	1.181.000
2.4	Dự án 9; Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc gặp nhiều khó khăn (Vốn năm 2022) (00519)	241.500.000
	Tổng cộng	631.858.087

Bằng chữ: Sáu trăm ba mươi một triệu, tám trăm năm mươi tám nghìn, không trăm tám mươi bảy đồng.